TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 342/2017/QĐST- HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 18 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 584/2017/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017, giữa:

Ông Hồ Chí D, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 2/3/2 đường HĐ, Phường X, thành phố V, tỉnh B

Bà Đào Thị Mộng T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 2/3/2 đường HĐ, Phường X, thành phố V, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Chí D và bà Đào Thị Mộng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Hồ Chí D và bà Đào Thị Mộng T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có ba con chung là Hồ Đào Minh T, sinh ngày 26/4/2006, Hồ Đào Minh H, sinh ngày 20/4/2010 và Hồ Đào Minh N, sinh ngày 19/8/2011. Căn cứ vào nguyện vọng của các con chung và sự thỏa thuận của các đương sự, bà Đào Thị Mộng T được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông Hồ Chí D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng)/01 cháu, việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện kể từ khi án có hiệu lực đến khi

các con chung trưởng thành (18 tuổi). Ông Hồ Chí D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Ông Hồ Chí D và bà Đào Thị Mộng T mỗi người nộp 75.000 đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình; ông Hồ Chí D nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006721 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B thành tiền án phí, ông Hồ Chí D và bà Đào Thị Mộng T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP V.
- UBND Phường X,
- Lưu hồ sơ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.